

THÔNG TƯ

Quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Y tế,

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định chi tiết các thành phần của chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế và việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các chế độ báo cáo do Bộ Y tế ban hành nhằm đáp ứng các quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 09/2019/NĐ-CP).

2. Thông tư này không điều chỉnh các nội dung sau đây:

- a) Chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê;
- b) Chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước;
- c) Chế độ báo cáo trong nội bộ Cơ quan Bộ Y tế.

3. Thông tư này áp dụng với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc ban hành và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

Điều 2. Các yêu cầu chung đối với các thành phần của chế độ báo cáo định kỳ

Các thành phần của chế độ báo cáo định kỳ phải bảo đảm các quy định chung tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 7 và đáp ứng yêu cầu tương ứng nêu tại Điều 8 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và các quy định chi tiết tại Thông tư này, trừ trường hợp có quy định khác tại các văn bản của Quốc hội, Ủy ban thường vụ

Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, người có thẩm quyền thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

Điều 3. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ

1. Thời hạn gửi báo cáo về đơn vị đầu mối của Bộ Y tế thực hiện như sau:

- a) Báo cáo tháng: Chậm nhất là ngày 20 của tháng báo cáo;
- b) Báo cáo quý: Chậm nhất là ngày 20 của tháng cuối cùng của quý báo cáo;
- c) Báo cáo 6 tháng đầu năm: Chậm nhất là ngày 20 tháng 6 hằng năm;
- d) Báo cáo năm: Chậm nhất là ngày 20 tháng 12 hằng năm.

2. Căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều này, các đối tượng thực hiện báo cáo về Bộ Y tế có thể quy định về thời hạn gửi báo cáo nhưng phải bảo đảm thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

Điều 4. Phương thức gửi, nhận báo cáo định kỳ

1. Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử do người có thẩm quyền ký, đóng dấu cơ quan, đơn vị; được gửi qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử Bộ Y tế (kèm bản Word, Excel) hoặc gửi trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính, gửi qua hệ thống thư điện tử.

2. Đối với các báo cáo có hệ thống phần mềm thông tin báo cáo, thực hiện gửi báo cáo trên phần mềm, sử dụng chữ ký số phê duyệt và không cần gửi báo cáo giấy; trừ trường hợp xảy ra sự cố kỹ thuật, sự việc bất khả kháng thì phải gửi báo cáo giấy.

Điều 5. Danh mục và biểu mẫu số liệu báo cáo định kỳ

1. Danh mục và biểu mẫu số liệu báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế được ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các báo cáo định kỳ và biểu mẫu số liệu báo cáo định kỳ khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại các văn bản đó.

Điều 6. Công bố chế độ báo cáo định kỳ

1. Trước ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định chế độ báo cáo định kỳ có hiệu lực thi hành, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định chế độ báo cáo định kỳ có trách nhiệm gửi Văn phòng Bộ để trình Bộ trưởng Bộ Y tế Quyết định công bố, cập nhật danh mục báo cáo định kỳ.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định chế độ báo cáo định kỳ, Văn phòng Bộ có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Y tế hoặc Lãnh đạo Bộ Y tế được

Bộ trưởng ủy quyền ban hành Quyết định công bố, cập nhật danh mục báo cáo định kỳ.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Văn phòng Bộ trình, Bộ trưởng Bộ Y tế hoặc Lãnh đạo Bộ Y tế được Bộ trưởng ủy quyền ký Quyết định công bố, cập nhật danh mục báo cáo định kỳ.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Y tế ký ban hành Quyết định công bố, cập nhật danh mục báo cáo định kỳ, Văn phòng Bộ có trách nhiệm đăng tải quyết định công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế.

5. Nội dung Quyết định công bố, cập nhật danh mục gồm: Tên báo cáo, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo và văn bản quy định chế độ báo cáo.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2020.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với báo cáo định kỳ đã chốt số liệu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi tiếp tục thực hiện theo quy định về chế độ báo cáo theo quy định hiện hành.

2. Các chế độ báo cáo định kỳ quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hoặc phối hợp ban hành chưa đáp ứng quy định tại Thông tư này phải được sửa đổi, bổ sung chậm nhất trước ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 các quy định về chế độ báo cáo định kỳ quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật không thống nhất với quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Văn phòng Bộ Y tế có trách nhiệm:

- a) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này;
- b) Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Y tế quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo định kỳ trong lĩnh vực y tế;
- c) Tham gia ý kiến các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Y tế có quy định về chế độ báo cáo định kỳ;
- d) Công bố danh mục các báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế theo quy định;

đ) Hằng năm, tổng hợp kết quả rà soát các chế độ báo cáo và danh mục báo cáo định kỳ của Bộ Y tế để đề xuất sửa đổi, bổ sung Thông tư này cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng nguyên tắc và yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

2. Cục Công nghệ thông tin có trách nhiệm:

a) Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Y tế bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin báo cáo Bộ Y tế với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; hướng dẫn, tổ chức tập huấn cho các đối tượng thực hiện báo cáo trên hệ thống;

b) Ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ về tiêu chuẩn kỹ thuật, cấu trúc, định dạng dữ liệu phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các Hệ thống thông tin báo cáo trong Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Y tế phục vụ quá trình thực hiện chế độ báo cáo của Bộ Y tế;

c) Xác định cấp độ bảo đảm an toàn thông tin và thực hiện phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo các cấp độ đối với các hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Y tế;

d) Phối hợp với các đơn vị liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời chứng thư số cho các cán bộ, công chức, viên chức để thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Y tế.

3. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Các đơn vị thuộc Bộ Y tế có trách nhiệm phối hợp với Cục Công nghệ thông tin tin học hóa biểu mẫu báo cáo được quy định tại Thông tư này, từng bước xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo Bộ Y tế;

b) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo, tiến tới thực hiện báo cáo điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo với các đối tượng thực hiện báo cáo từ cơ sở đến trung ương;

c) Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, phần mềm công nghệ an toàn, an ninh thông tin phục vụ xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Y tế và chia sẻ dữ liệu, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ;

d) Bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả, đồng bộ, tránh chồng chéo, lãng phí trong xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Y tế; tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin thông suốt với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công nghệ thông tin, văn thư, lưu trữ, an ninh, an toàn thông tin và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Rà soát, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung các chế độ báo cáo định kỳ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước phụ trách trình Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hoặc Bộ trưởng Bộ Y tế trình cấp có thẩm quyền ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2020.

4. Các cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo có trách nhiệm thực hiện nghiêm quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại Thông tư này.

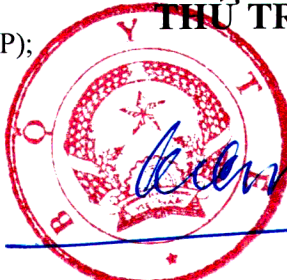
5. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng cục trưởng thuộc Bộ Y tế và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Văn phòng Bộ để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Công báo, Công TTĐT CP);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Y tế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Y tế các Bộ, ngành;
- Công Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, VPB1₍₀₂₎, PC₍₀₂₎.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trương Quốc Cường

Phụ lục

DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ Y TẾ
THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

(Kèm theo Thông tư số 38/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế) 

STT	Tên báo cáo	Nội dung báo cáo	Tần suất thực hiện báo cáo	Mẫu đề cương/Biểu số hiệu báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Đơn vị Bộ Y tế nhận báo cáo
1.	Báo cáo Kết quả công tác 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm	Công tác y tế 6 tháng đầu năm và phương hướng hoạt động trong thời gian tới	6 tháng	Biểu mẫu số 01 của Thông tư này	Sở Y tế, Các đơn vị trực thuộc, đơn vị thuộc Bộ Y tế	Vụ Kế hoạch - Tài chính
2.	Báo cáo Kết quả công tác Ngành Y tế năm	Công tác y tế hàng năm và phương hướng hoạt động trong thời gian tới	Năm	Biểu mẫu số 02 của Thông tư này	Sở Y tế, Các đơn vị trực thuộc, đơn vị thuộc Bộ Y tế	Vụ Kế hoạch - Tài chính

BIỂU MẪU SỐ 01
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM

(Kèm theo Thông tư số: 38/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

UBND TỈNH/ BỘ Y TẾ
SỞ Y TẾ/ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC BỘ/
ĐƠN VỊ THUỘC BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-tên ĐV

Địa danh, ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

Kết quả công tác 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM

1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương ảnh hưởng đến lĩnh vực y tế 6 tháng đầu năm

2. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu y tế cơ bản 6 tháng: Các chỉ tiêu y tế cơ bản được Quốc hội, Chính phủ giao và kế hoạch ngành y tế kỳ báo cáo. So sánh với các chỉ tiêu y tế cơ bản so với kế hoạch được giao đầu năm.

3. Đánh giá những thành tựu đạt được của công tác y tế trong kỳ báo cáo:

Phân tích theo 6 hợp phần của hệ thống y tế (*căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ đặt ra theo từng năm, 5 năm để đánh giá những kết quả đạt được trong kỳ báo cáo theo từng lĩnh vực của hoạt động y tế. Khi phân tích có thể so sánh giữa chỉ tiêu kế hoạch và thực hiện, so với cùng kỳ trước đó, so với kế hoạch 5 năm, chiến lược 10 năm và so với mức trung bình của cả nước và của từng vùng...*).

3.1. Các hoạt động chuyên môn, cung ứng dịch vụ y tế: Y tế dự phòng, quản lý môi trường y tế, an toàn thực phẩm, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản. Tóm tắt các chỉ tiêu y tế cơ bản,...

3.2. Đào tạo và Nhân lực y tế: Tỷ lệ bác sỹ, dược sỹ/10.000 dân. Triển khai thực hiện Đề án: “Thí điểm đưa bác sỹ trẻ tình nguyện về công tác tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.

3.3. Hệ thống thông tin y tế: Triển khai đề án phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2019 – 2025. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hiện đại hóa nền hành chính, xây dựng và thực hiện Chính phủ điện tử Bộ Y tế.

3.4. Dược, trang thiết bị và công trình y tế: Đấu thầu cung ứng thuốc, trang thiết bị, hóa chất và vật tư y tế; Công khai kết quả đấu thầu bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả.

3.5. Tài chính, đầu tư và bảo hiểm y tế: Triển khai thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế; Triển khai thực hiện các giải pháp bảo đảm lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Kết quả thực hiện dự toán ngân sách, giải ngân vốn đầu tư và chi thường xuyên.

3.6. Quản lý nhà nước và điều hành ngành Y tế: Cải cách thủ tục hành chính; Thanh tra, kiểm tra và hợp tác quốc tế.

4. Phân tích tồn tại, nguyên nhân, những vấn đề còn tồn tại cần ưu tiên giải quyết

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ THỜI GIAN 6 THÁNG CUỐI NĂM

1. Bối cảnh

2. Mục tiêu và chỉ tiêu y tế cơ bản: Dựa vào Kế hoạch 5 năm ngành Y tế, Chiến lược quốc gia về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, các Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ.

- Mục tiêu chung

- Mục tiêu cụ thể

- Các chỉ tiêu y tế cơ bản

3. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: Theo 6 hợp phần của hệ thống y tế nêu trên.

4. Dự toán ngân sách (nếu có).

5. Tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
-
- Lưu:.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Đây là các nội dung chính cần báo cáo, tùy tình hình hoạt động, Bộ Y tế sẽ có văn bản yêu cầu báo cáo bổ sung thêm.

BIỂU MẪU SỐ 02

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC NGÀNH Y TẾ NĂM

(Kèm theo Thông tư số: 38/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

UBND TỈNH/BỘ Y TẾ
SỞ Y TẾ/ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC BỘ/
ĐƠN VỊ THUỘC BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-tên ĐV

Địa danh, ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Kết quả công tác ngành Y tế năm 20.....

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 20.....

- 1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương ảnh hưởng đến lĩnh vực y tế năm 20...**
- 2. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu y tế cơ bản năm 20...:** Các chỉ tiêu y tế cơ bản được Quốc hội, Chính phủ giao và kế hoạch ngành Y tế kỳ báo cáo. So sánh với các chỉ tiêu y tế cơ bản so với kế hoạch được giao đầu năm.
- 3. Đánh giá những thành tựu đạt được của công tác y tế trong kỳ báo cáo:**

Phân tích theo 6 hợp phần của hệ thống y tế (căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ đặt ra theo từng năm, 5 năm để đánh giá những kết quả đạt được trong kỳ báo cáo theo từng lĩnh vực của hoạt động y tế. Khi phân tích có thể so sánh giữa chỉ tiêu kế hoạch và thực hiện, so với cùng kỳ trước đó, so với kế hoạch 5 năm, chiến lược 10 năm và so với mức trung bình của cả nước và của từng vùng...).

3.1. Các hoạt động chuyên môn, cung ứng dịch vụ y tế: Y tế dự phòng, quản lý môi trường y tế, an toàn thực phẩm, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản. Tóm tắt các chỉ tiêu y tế cơ bản,...

3.2. Đào tạo và Nhân lực y tế: Tỷ lệ bác sỹ, dược sỹ /10.000 dân. Triển khai thực hiện Đề án: “Thí điểm đưa bác sỹ trẻ tình nguyện về công tác tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.

3.3. Hệ thống thông tin y tế: Triển khai đề án phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2019 – 2025. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hiện đại hóa nền hành chính, xây dựng và thực hiện Chính phủ điện tử Bộ Y tế.

3.4. Dược, trang thiết bị và công trình y tế: Đấu thầu cung ứng thuốc, trang thiết bị, hóa chất và vật tư y tế; Công khai kết quả đấu thầu bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả.

3.5. Tài chính, đầu tư và bảo hiểm y tế: Triển khai thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế; Triển khai thực hiện các giải pháp bảo đảm lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Kết quả thực hiện dự toán ngân sách, giải ngân vốn đầu tư và chi thường xuyên.

3.6. Quản lý nhà nước và điều hành ngành Y tế: Cải cách thủ tục hành chính; thanh tra, kiểm tra và hợp tác quốc tế.

4. Phân tích tồn tại, nguyên nhân, những vấn đề còn tồn tại cần ưu tiên giải quyết

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 20...

1. Bối cảnh

2. Mục tiêu và chỉ tiêu y tế cơ bản: Dựa vào Kế hoạch 5 năm ngành y tế, Chiến lược quốc gia về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, các Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ.

- Mục tiêu chung

- Mục tiêu cụ thể

- Các chỉ tiêu y tế cơ bản

3. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: Theo 6 hợp phần của hệ thống y tế nêu trên.

4. Dự toán ngân sách (nếu có).

5. Tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
-
- Lưu:.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Đây là các nội dung chính cần báo cáo, tùy tình hình hoạt động, Bộ Y tế sẽ có văn bản yêu cầu báo cáo bổ sung thêm.